TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 260/2019/HS-ST
Ngày 04 – 10 – 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Xuân Giao

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 248/2019/HSST ngày 13 tháng 9 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Hòa B**; Sinh ngày 14 tháng 10 năm 1998; Tại: Tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký HKTT: Đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở: Không nơi ở nhất định.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn T, sinh năm: 1966; Con bà: Dương Thị Mỹ V, sinh năm: 1967; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 19/6/2019, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Nguyễn Thái A, sinh năm 1998, vắng mặt.

Trú tại: Đường K, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1983, vắng mặt.

Trú tại: Đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Anh Nguyễn Giang S, sinh năm 1989, vắng mặt.

Trú tại: Đường J, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Anh Phạm Thế D, sinh năm 1996, vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà Phan Thị L, sinh năm 1969, vắng mặt.

Trú tại: Đường J, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Chị Nguyễn Thái Mỹ N, sinh năm 1993, vắng mặt.

Trú tại: Đường K, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Người làm chứng:***

+ Anh Trần Xuân C *(tên gọi khác: H)*, sinh năm 1996, vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT: Thôn M, xã T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở: Hẻm đường T, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Anh Nguyễn Thanh M, sinh năm 2004, vắng mặt.

Trú tại: Đường J, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Thanh M là bà Phan Thị L, sinh năm 1969, vắng mặt.

Trú tại: Đường J, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 16/6/2019, tại tiệm Nét 110 ở địa chỉ đường K, phường L, thành phố B, Phạm Hòa B nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 47B2-024...., hiệu Yamaha, Exciter, màu sơn đen đỏ, của anh Nguyễn Thái A (là bạn cấp 2 với B) cầm cố lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng. B nói dối với anh A mượn xe mô tô biển số 47B2- 024..... để đi đón vợ, một lúc sẽ đem xe về trả lại. Tin tưởng B nên anh A đã giao xe mô tô và chìa khóa xe cho B. Sau khi mượn được xe của anh A thì B không đi đón vợ mà B điều khiển chiếc xe mô tô của anh A đến phòng trọ của Trần Xuân C (tên gọi khác H), rủ C cùng đi cầm cố. C hỏi B về nguồn gốc xe mô tô, B nói "Xe này em mượn của bạn, nó đồng ý cho em cầm cố rồi" thì C đồng ý. B dùng điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu tím, số Imei: 355927/04/376204/1, gắn sim số thuê bao 0925931....., gọi vào số thuê bao 0935955....., gắn trong điện thoại di động hiệu Nokia 8800, màu vàng, số Imei: 358645010252781, của Nguyễn Ngọc T (là bạn ngoài xã hội với B) để thỏa thuận cầm cố xe mô tô. T hẹn B đến quán bán nước ở ngã tư đường G - Q, phường L, thành phố B, để cầm cố xe. Tại đây, T hỏi B về nguồn gốc xe mô tô thì B nói đây là xe của bố mẹ B, bố mẹ B đang giữ giấy tờ xe. B và T thống nhất cầm cố xe với số tiền là 5.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn cầm cố xe, lấy tiền lãi trước 500.000 đồng, nên T đưa cho B số tiền là 4.500.000 đồng. Đến ngày 18/6/2019, B sử dụng hết số tiền cầm cố xe thì tiếp tục gọi điện cho T để cầm cố thêm 2.000.000 đồng nhưng T không đồng ý. Lúc này, B gọi vào số thuê bao 0947016..... gắn trong điện thoại di động hiệu LV Mobile LV128, màu đỏ trắng, số Imei: 359454036933428 của Nguyễn Giang S (tên gọi khác Z, là bạn của B), nói cho S biết là B đang cầm cố xe mô tô Exciter cho T với giá 5.000.000 đồng. B nhờ S tìm nơi

khác cầm cố với giá cao hơn. S hỏi nguồn gốc xe mô tô thì B nói là xe của bố mẹ B, bố mẹ đang giữ giấy tờ xe. S đồng ý và gọi điện thoại hiệu Nokia màu đen, gắn thuê bao 0905127....., nhờ Phạm Thế D (tên gọi khác C), cầm cố xe trên với số tiền 8.000.000 đồng. D tiếp tục gọi điện cho Nguyễn Thanh L (tên gọi khác là B), thoả thuận cầm cố xe mô tô với số tiền 10.000.000 đồng nhưng L trừ trước 1.000.000 đồng tiền lãi. Sau đó, B gọi điện cho T nói: "Bây giờ anh đưa xe cho thằng D rồi lấy lại tiền cầm cố xe từ D" thì T đồng ý. Một lúc sau, D gọi điện nhờ T đem xe mô tô trên đến địa chỉ: Đường J, phường L, thành phố B. Khi D đến nơi thì gọi cho L nhưng L không có nhà nên đã gọi điện thoại cho bà Phan Thị L (là mẹ L) nhận xe mô tô biển số 47B2- 024..... và đưa số tiền 9.000.000 đồng cho D. Sau đó, D đưa lại T 5.000.000 đồng (trả tiền B cầm cố xe trước đó) còn lại 4.000.000 đồng. D đưa cho S số tiền 2.100.000 đồng (D giữ lại số tiền 1.900.000 đồng để tiêu xài cá nhân hết). Sau đó, S đưa lại cho B số tiền 1.200.000 đồng (S giữ lại số tiền 900.000 đồng để tiêu xài cá nhân hết). Ngày 18/6/2019 anh A làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, để giải quyết theo quy định của pháp luật. Cơ quan điều tra, tạm giữ: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu tím, số Imei: 355927043762041, bên trong có gắn Sim Vietnamobile, số Seri: 89840509181029017354 của Phạm Hòa B; 01 điện thoại di động hiệu LV Mobile LV128, màu đỏ trắng, số Imei: 359454036933428 bên trong có gắn Sim Vinaphone, số Seri: 89840200010806968913 của Nguyễn Giang S; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số Imei: 358998096815025 bên trong có gắn Sim Vinaphone, số Seri: 89840200107760209 92 của Trần Xuân C. Ngày 19/6/2019, bà Phan Thị L đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô biển số 47B2-024...., là vật chứng của vụ án, để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 181/KLĐG ngày 04/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn đen đỏ, biển số 47B2-024....., số khung: 0610GY250512, số máy: G3D4E263417, trị giá: 32.500.000 đồng.

Cáo trạng số: 272/CT-VKSNDTP. BMT ngày 13/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk đã truy tố bị cáo Phạm Hòa B về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà bị cáo Phạm Hòa B khai: Hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu là đúng. Ngày 16/6/2019, bị cáo Phạm Hòa B nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 47B2-024..... của anh Nguyễn Thái A cầm cố lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng. B nói dối với anh A mượn xe mô tô biển số 47B2-024..... để đi đón vợ, một lúc sẽ đem xe về trả lại. Sau khi mượn được xe của anh A thì B điều khiển chiếc xe mô tô của anh A mang đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng, phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Hòa B phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Hòa B từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; Điều 48; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả lại cho chị Nguyễn Thái Mỹ N (chị ruột của Nguyễn Thái A) 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn đen đỏ, biển số 47B2-024.....; Trả cho Nguyễn Giang S 01 điện thoại di động hiệu LV Mobile LV128, màu đỏ trắng, số Imei: 359454036933428 bên trong có gắn Sim Vinaphone, số Seri: 89840200010806968913; Trả cho Trần Xuân C 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số Imei: 358998096815025 bên trong có gắn Sim Vinaphone, số Seri: 8984020010776020992 là các chủ sở hữu nhận quản lý sử dụng.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu tím, số Imei: 355927/04/376204/1, bên trong có gắn Sim Vietnamobile, số Seri: 89840509181029017354 bị cáo B sử dụng làm công cụ phương tiện phạm tội nên tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Phạm Hòa B phải bồi thường cho Nguyễn Ngọc T số tiền: 4.500.000đồng là tiền mà T đã trả cho B khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô, biển số: 47B2-024.40.

- Buộc Phạm Thế D phải bồi thường cho bà Phan Thị L số tiền 9.000.000 đồng là tiền mà bà L đưa cho D để cầm cố chiếc xe mô tô, biển số: 47B2-024....

- Buộc Nguyễn Ngọc T phải trả lại cho Phạm Thế D số tiền 5.000.000 đồng; bị cáo Phạm Hòa B phải trả lại cho Nguyễn Giang S số tiền 1.200.000 đồng; Nguyễn Giang S phải trả lại cho Phạm Thế D số tiền 2.100.000 đồng là tiền mà D đã đưa cho Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Giang S sau khi nhận tiền cầm cố chiếc xe mô tô biển số: 47B2-024.... từ bà Phan Thị L.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử

có đủ cơ sở kết luận: Ngày 16/6/2019 bị cáo Phạm Hòa B đã dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Thái A, 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu đỏ đen, biển số 47B2-024..... Trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 32.500.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Phạm Hòa B về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) ……."

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm bất hợp pháp đối với quyền sở hữu về tài sản của anh Nguyễn Thái A, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội. Bị cáo là người phát triển bình thường về trí lực, thể lực buộc phải nhận thức được việc làm của mình, biết tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ai xâm phạm bất hợp pháp đều bị pháp luật nghiêm trị, nhưng vì động cơ tham lam tư lợi, coi thường pháp luật nên vào ngày 16/6/2019, bị cáo Phạm Hòa B thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô biển số 47B2-024.... của anh Nguyễn Thái A mang đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân. Vì vậy, bị cáo hoàn toàn phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình gây ra.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Không

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Được người bị hại làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã phân tích ở trên. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[6] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Phạm Hòa B, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt cảnh cáo, được quy định tại khoản 1, Điều 21 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là phù hợp.

Đối với người bán ma túy cho bị cáo Phạm Hòa B, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, chưa xác minh được nhân thân lai lịch nên tách ra khỏi vụ án để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ và xử lý sau là phù hợp.

Đối với bà Phan Thị L, anh Nguyễn Thanh M, anh Trần Xuân C, anh Nguyễn Ngọc T, anh Nguyễn Giang S và anh Phạm Thế D, không thỏa thuận và không biết chiếc xe mô tô biển số 47B2-024..... là do bị cáo Phạm Hòa B phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý.

Đối với anh Nguyễn Thanh L là người thỏa thuận với anh Phạm Thế D cầm cố chiếc xe mô tô mà bị cáo Phạm Hòa B chiếm đoạt. Hiện anh L không có mặt tại địa phương. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự.

Đối với số tiền 4.500.000 đồng, là tiền của anh Nguyễn Ngọc T đưa cho bị cáo Phạm Hòa B, để cầm cố xe mô tô biển số 47B2-024....., anh T yêu cầu bị cáo B phải bồi thường. Do vậy cần buộc bị cáo B phải trả số tiền 4.500.000 đồng cho anh T.

Đối với số tiền 9.000.000 đồng là tiền của bà Phan Thị L đưa cho anh Phạm Thế D, để cầm cố xe mô tô biển số 47B2-024....., bà L yêu cầu anh D phải bồi thường. Do vậy cần buộc anh D phải trả số tiền 9.000.000 đồng cho bà L.

Đối với anh Phạm Thế D sau khi nhận số tiền 9.000.000 đồng từ bà L, đã đưa lại cho anh Nguyễn Ngọc T số tiền 5.000.000 đồng; đưa cho anh Nguyễn Giang S số tiền 2.100.000 đồng và anh D giữ lại 1.900.000 đồng.

Đối với anh Nguyễn Giang S nhận số tiền 2.100.000 đồng từ anh Phạm Thế D. Sau khi nhận tiền thì anh S giữ lại 900.000 đồng và đưa lại cho bị cáo Phạm Hòa B số tiền 1.200.000 đồng.

Do vậy, cần buộc anh Nguyễn Ngọc T phải trả lại cho anh Phạm Thế D 5.000.000 đồng; anh Nguyễn Giang S phải trả lại cho anh Phạm Thế D số tiền 2.100.000 đồng; bị cáo Phạm Hòa B phải trả lại cho anh Nguyễn Giang S 1.200.000 đồng.

Không ai còn yêu cầu bồi thường gì khác nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn đen đỏ, biển số 47B2-024....., đứng tên chủ xe là chị Nguyễn Thái Mỹ N (chị ruột của anh Nguyễn Thái A). Chị N cho anh A mượn để làm phương tiện đi lại; 01 điện thoại di động hiệu LV Mobile LV128, màu đỏ trắng, số Imei: 359454036933428 bên trong có gắn Sim Vinaphone, số Seri: 89840200010806968913 của anh Nguyễn Giang S; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số Imei: 358998096815025 bên trong có gắn Sim Vinaphone, số Seri: 8984020010776020992 của anh Trần Xuân C, đây là các tài sản không liên quan đến việc phạm tội. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị N, anh S, anh C nhận quản lý và sử dụng.

Xét thấy việc trao trả trên là đúng, phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu tím, số Imei: 355927/04/376204/1, bên trong có gắn Sim Vietnamobile, số Seri: 89840509181029017354, là tài sản của bị cáo Phạm Hòa B dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 8800, màu vàng, số Imei: 358645010252781 của anh Nguyễn Ngọc T, không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo. Cơ quan điều tra không tạm giữ nên không đề cập xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Hòa B phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*

Xử phạt: Bị cáo Phạm Hòa B 01 *(Một)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 19/6/2019.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Hòa B phải trả cho anh Nguyễn Ngọc T số tiền 4.500.000đ *(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).*

Buộc anh Phạm Thế D phải trả cho bà Phan Thị L số tiền 9.000.000đ *(Chín triệu đồng).*

Buộc anh Nguyễn Ngọc T phải trả lại cho anh Phạm Thế D số tiền 5.000.000đ *(Năm triệu đồng).*

Buộc anh Nguyễn Giang S phải trả lại cho anh Phạm Thế D số tiền 2.100.000đ *(Hai triệu một trăm nghìn đồng).*

Buộc bị cáo Phạm Hòa B phải trả lại cho anh Nguyễn Giang S số tiền 1.200.000đ *(Một triệu hai trăm nghìn đồng).*

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã giao trả gồm:

01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn đen đỏ, biển số 47B2-024..... cho chị Nguyễn Thái Mỹ N.

01 điện thoại di động hiệu LV Mobile LV128, màu đỏ trắng, số Imei: 359454036933428 bên trong có gắn Sim Vinaphone, số Seri: 89840200010806968913 cho anh Nguyễn Giang S.

01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số Imei: 358998096815025 bên trong có gắn Sim Vinaphone, số Seri: 89840200107760209 92 cho anh Trần Xuân C.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu tím, số Imei: 355927/04/376204/1, bên trong có gắn Sim Vietnamobile, số Seri: 89840509181029017354 của bị cáo Phạm Hòa B.

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/9/2019 giữa Công an TP. Buôn Ma Thuột với Chi cục thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột).

- Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Hòa B phải chịu 200.000^{đ} (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh**;** TANDTC;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lăk;
- VKSND TP. BMT; tỉnh;
- CA TP. BMT;
- THAHS; CCTHADS TP. BMT ;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Đại Minh